| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÚ MỸ THƯỢNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 93/2026/CV-PMT | *Huế, ngày 08 tháng 04 năm 2026* |

# CÔNG KHAI DANH SÁCH 27 KHÁCH HÀNG ĐÁP ỨNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC DỰ ÁN NOXH TẠI KHU ĐẤT KÝ HIỆU XH1, KHU C, ĐÔ THỊ MỚI AN VÂN DƯƠNG, PHƯỜNG MỸ THƯỢNG, THÀNH PHỐ HUẾ (ĐỢT 1)

*- Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;*

*- Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;*

*- Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;*

*- Căn cứ Công văn số 55/2026/CV-PMT ngày 24/02/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Mỹ Thượng về việc thẩm định và phê duyệt khách hàng mua nhà ở xã hội (đợt 1 – 28 trường hợp);*

*- Căn cứ văn bản số 1998/SXD-QLN&TTBĐS ngày 07/4/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Huế về việc kiểm tra đối tượng đăng ký mua NOXH tại khối nhà G1 thuộc Dự án NOXH tại khu đất ký hiệu XH1, Khu C, Đô thị mới An Vân Dương, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế (đợt 1).*

Trước hết, Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Mỹ Thượng xin gửi tới Quý Sở lời chào trân trọng!

Thực hiện quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 34 Nghị định 54/2026/NĐ-CP ngày 09/2/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản, Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Mỹ Thượng công khai danh sách **27** khách hàng đáp ứng đủ điều kiện mua nhà ở xã hội thuộc Dự án NOXH tại khu đất ký hiệu XH1, Khu C, Đô thị mới An Vân Dương, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế (Dự án Kinetic Living) (Đợt 1) theo danh sách đính kèm.

Trân trọng!

***Nơi nhận:***
- *Website Dự án;*
- *Lưu BPKD, VT.*

***Tài liệu kèm theo:***
- *Danh sách, hồ sơ 27 khách hàng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÚ MỸ THƯỢNG**

M.S.D.N: 3301[illegible]296 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÚ MỸ THƯỢNG
THÀNH PHỐ HUẾ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hải

# DANH SÁCH 27 KHÁCH HÀNG ĐÁP ỨNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC DỰ ÁN NOXH TẠI KHU ĐẤT KÝ HIỆU XH1, KHU C, ĐÔ THỊ MỚI AN VÂN DƯƠNG, PHƯỜNG MỸ THƯỢNG, THÀNH PHỐ HUẾ (ĐỢT 1)

*(Kèm theo Công văn số: 93/2026/CV-PMT ngày 08/04/2026d)*

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | CCCD/ CMND | Địa chỉ thường trú/tạm trú | Đối tượng | Người đứng đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Hoàng Ngọc Khánh Linh** | 7/13/2006 | 046306008806 cấp ngày 15/8/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ Không | 40 Chu Văn An, Phường Thuận Hóa, TP Huế | Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp | ✓ |
| 2 | **Nguyễn Trần Bá** | 11/14/1994 | 046094013622 cấp ngày 28/6/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191825266 | Số 9, kiệt 21, Tam Giang Xã, Quảng Điền, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | ✓ |
| 3 | **Nguyễn Thị Như Quỳnh** | 8/21/1992 | 046192004714 cấp ngày 01/9/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191757583 | 215 Trần Phú, Phường Thuận Hóa, TP Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (có HĐLĐ) | ✓ |
| | **Phan Thanh Huấn** | 5/12/1988 | 046192004714 cấp ngày 08/11/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191757583 | TDP Đại Phú, phường Phong Dinh, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | Chồng |
| 4 | **Trương Thị Hạnh** | 6/30/1998 | 044198004068 cấp ngày 14/9/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 194649045 | TDP Tây Thượng, Phường Mỹ Thượng, TP Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (có HĐLĐ) | ✓ |
| 5 | **Phạm Nguyễn Thành Nhân** | 4/2/1995 | 045095007450 cấp ngày 11/01/2022, tại CCS QLHC về TTXH/197329820 | TDP Khánh Mỹ, Phường Phong Điền, TP Huế | Sĩ quan công an nhân dân | ✓ |
| | **Hoàng Nguyễn Trâm Anh** | 14/6/1994 | 046194016753 cấp ngày 22/9/2021, tại CCS QLHC về TTXH/191828797 | TDP Khánh Mỹ, Phường Phong Điền, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | Vợ |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | CCCD/ CMND | Địa chỉ thường trú/tạm trú | Đối tượng | Người đứng đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | **Lê Chung** | 4/12/1992 | 045092005983 cấp ngày 19/11/2022, tại CCS QLHC về TTXH/ 197293937 | 26/23/73 Nguyễn Hoàng, Phường Kim Long, TP Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (không có HĐLĐ) | ✓ |
| 7 | **Phạm Văn Thảo** | 5/6/1997 | 046097006282 cấp ngày 14/3/2023, tại CCS QLHC về TTXH/ 192115256 | Thôn Hòa An, Xã Phú Lộc, TP Huế | Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp | ✓ |
| 8 | **Dương Chí Thành** | 9/22/1995 | 046095008115 cấp ngày 11/8/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191843264 | Thôn 4, Xã Phú Vinh, Tp Huế | Sĩ quan công an nhân dân | ✓ |
| | **Đặng Thanh Phụng Thư** | 12/8/1997 | 046197000142 cấp ngày 12/10/2025, tại CCS QLHC về TTXH/ 191893715 | 168 Bạch Đằng, Phường Phú Xuân, Tp. Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (không có HĐLĐ) | Vợ |
| 9 | **Phan Thị Nhật Thanh** | 9/30/1996 | 046196000703 cấp ngày 13/4/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191882135 | Sô 7, kiệt 6 Phan Bội Châu, Phường Thuận Hóa, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | ✓ |
| 10 | **Trần Ngọc Khánh Tường** | 10/1/1995 | 046195012053 cấp ngày 28/6/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191890283 | 10 Quảng Tế, phường Thuận Hóa, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | ✓ |
| | **Nguyễn Thanh Ánh** | 16/2/1994 | 046094004988 cấp ngày 28/6/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191824293 | 10 Quảng Tế, phường Thuận Hóa, TP Huế | Sỹ quan CAND | Chồng |
| 11 | **Nguyễn Thị Kim Chi** | 4/22/1992 | 070192007845 cấp ngày 01/9/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 192187305 | Số 8/87 Nguyễn Huệ, Phường Thuận Hóa, TP Huế | Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp (có HĐLĐ) | ✓ |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | CCCD/ CMND | Địa chỉ thường trú/tạm trú | Đối tượng | Người đứng đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | **Hoàng Phan Quốc Bảo** | 11/15/1999 | 046201004039 cấp ngày 15/8/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 197368527 | Sô 7, kiệt 6 Phan Bội Châu, Phường Thuận Hóa, TP Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (không có HĐLĐ) | ✓ |
| 13 | **Thân Minh Trí** | 2/29/1992 | 046092001449 cấp ngày 27/4/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191767363 | 36 Nhật Lệ, Phường Phú Xuân, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | ✓ |
| | **Võ Thị Huế** | 20/7/1993 | 046193001950 cấp ngày 24/4/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191781619 | 36 Nhật Lệ, Phường Phú Xuân, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | Vợ |
| 14 | **Phạm Thị Kim Thúy** | 11/26/1987 | 046187000005 cấp ngày 28/01/2023, tại CCS QLHC về TTXH/191593675 | Xã Vinh Lộc, TP Huế | Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp (có HĐLĐ) | ✓ |
| | **Huỳnh Toá** | 9/8/1985 | 046085004290 cấp ngày 28/7/2025, tại CCS QLHC về TTXH/ 191581294 | Xã Vinh Lộc, TP Huế | Sỹ quan CAND | Chồng |
| 15 | **Đỗ Thị Lan Anh** | 1/1/1999 | 044199000224 cấp ngày 23/7/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ không | Xóm 6, thôn Tuy Lộc, xã Lệ Thủy, Quảng Trị | Viên chức | ✓ |
| 16 | **Nguyễn Thị Thu Hà** | 10/29/1994 | 046194001724 cấp ngày 01/5/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191814119 | Thôn Thanh Vinh, Phường Dương Nỗ, TP Huế | Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp | ✓ |
| | **Hồ Đắc Hà** | 9/5/1983 | 046194001724 cấp ngày 16/9/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191491870 | 69 Nguyễn Chí Thanh, phường phú Xuân, Tp Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (có HĐLĐ) | Chồng |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | CCCD/ CMND | Địa chỉ thường trú/tạm trú | Đối tượng | Người đứng đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | **Nguyễn Thị Thu Phương** | 7/20/1998 | 064198006856 cấp ngày 21/9/2022, tại CCS QLHC về TTXH/ 231173471 | 38/333 Nguyễn Tất Thành, TDP 10A, Phường Thanh Thủy, TP Huế | Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp (có HĐLĐ) | ✓ |
| | **Nguyễn Văn Tuấn** | 4/1/1994 | 044094007587 cấp ngày 01/02/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 194512781 | Thôn Cổ Giang, xã Bố Trạch, tỉnh Quảng Trị | Sỹ quan CAND | Chồng |
| 18 | **Nguyễn Thị Bích Phượng** | 5/18/1988 | 019188014251 cấp ngày 12/5/2023, tại CCS QLHC về TTXH/ 091008866 | 39/71, Nhật Lệ, Phường Phú Xuân, TP Huế | Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp | ✓ |
| | **Trương Duy Quang** | 3/12/1981 | 019188014251 cấp ngày 05/9/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191494855 | 39/71, Nhật Lệ, Phường Phú Xuân, TP Huế | Người lao động đang làm việc tại HTX | Chồng |
| 19 | **Phan Duy Đạt** | 8/2/1987 | 046087010750 cấp ngày 11/01/2022, tại CCS QLHC về TTXH/ 191559075 | Thôn Lương Viện, Xã Phú Vang, TP Huế | Sĩ quan công an nhân dân | ✓ |
| | **Ngô Thị Na** | 8/2/1987 | 046192009250 cấp ngày 28/6/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191826978 | Thôn Thanh Thuỷ, phường Thuỷ Thanh, TP Huế | Sĩ quan công an nhân dân | Vợ |
| 20 | **Nguyễn Thị Hồng Nhung** | 4/30/2000 | 044300000403 cấp ngày 28/6/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ Không | 9/68/360 Nguyễn Sinh Cung, Phường Vỹ Dạ, TP Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (có HĐLĐ) | ✓ |
| 21 | **Cao Minh Thư** | 11/7/1998 | 046198001214 cấp ngày 06/8/2023, tại CCS QLHC về TTXH/ 191901785 | 18/43 Đinh Tiên Hoàng, Phường Phú Xuân, TP Huế | Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp (có HĐLĐ) | ✓ |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | CCCD/ CMND | Địa chỉ thường trú/tạm trú | Đối tượng | Người đứng đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | **Dương Thị Tâm** | 6/7/1994 | 046194006224 cấp ngày 20/6/2025, tại CCS QLHC về TTXH/ 191880512 | Thôn Dưỡng Mong, Phường Mỹ Thượng, TP Huế | Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp (có HĐLĐ) | ✓ |
| | **Phan Văn Hoà** | 9/1/1992 | 046092013425 cấp ngày 09/6/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191764592 | Thôn Dưỡng Mong, Phường Mỹ Thượng, TP Huế | Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp (có HĐLĐ) | Chồng |
| 23 | **Hồ Thị Mai** | 2/22/1996 | 044196011969 cấp ngày 05/11/2022, tại CCS QLHC về TTXH/ 194612589 | 32, Lê hồng Phong, phường Thuận Hóa, TP Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (có HĐLĐ) | ✓ |
| | **Trần Văn Thơ** | 15/09/1999 | 044099008669 cấp ngày 23/9/2022, tại CCS QLHC về TTXH/ 194649306 | 32, Lê hồng Phong, phường Thuận Hóa, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | Chồng |
| 24 | **Lê Viết Thọ** | 9/5/1975 | 046075000810 cấp ngày 23/3/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191331804 | Thôn Uất Mậu, Xã Quảng Điền, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | ✓ |
| | **Tống Thị My Na** | 23/011983 | 046183011885 cấp ngày 28/6/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191499403 | Thôn Uất Mậu, Xã Quảng Điền, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | Vợ |
| 25 | **Trương Quang Tý** | 3/15/1972 | 045072014948 cấp ngày 12/8/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 212573032 | TDP Nam Thượng, Phường Mỹ Thượng, TP Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (có HĐLĐ) | ✓ |
| | **Lê Thị Như Quỳnh** | 4/9/1983 | 045183000918 cấp ngày 14/11/2023, tại CCS QLHC về TTXH/197163338 | TDP Nam Thượng, Phường Mỹ Thượng, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | Vợ |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | CCCD/ CMND | Địa chỉ thường trú/tạm trú | Đối tượng | Người đứng đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | **Hồ Thu Nguyệt Hằng** | 7/17/1974 | 046174009349 cấp ngày 06/3/2023, tại CCS QLHC về TTXH/ 191340407 | 34/60 Nguyễn Du, Phường Phú Xuân, TP Huế | Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật | ✓ |
| | **Hoàng Đức Dũng** | 3/2/1971 | 046071000568 cấp ngày 02/9/2021, tại CCS QLHC về TTXH/ 191240976 | 34/60 Nguyễn Du, Phường Phú Xuân, TP Huế | Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (có HĐLĐ) | Chồng |
| 27 | **Dương Văn Thân** | 7/3/1992 | 046092014145 cấp ngày 16/9/2022, tại CCS QLHC về TTXH/ 191799267 | 2/61 Nguyễn Khoa Vy, Phường Vỹ Dạ, TP Huế | Người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp (có HĐLĐ) | ✓ |